

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 141/KQXNN.

(Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm)



VILAS 685

Tên khách hàng: Công ty cổ phần cấp nước Quảng Bình.
Địa chỉ: Số 81 đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
Địa điểm lấy mẫu: Bể chứa trạm cấp nước Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.
Tên mẫu: Nước máy; Mã số: 141/XNN/2025 Lượng mẫu: 3,0 lít.
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai nhựa, đậy kín miệng. Mẫu do khách hàng mang tới, Mẫu không được bảo quản lạnh khi khách hàng đưa tới phòng nhận mẫu.
Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 12/3/2025 Ngày hẹn trả kết quả: 25/3/2025
Thời gian lưu mẫu: 10 ngày kể từ ngày ban hành kết quả, hết thời gian lưu mẫu trung tâm sẽ không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại của khách hàng.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Chỉ tiêu	Kết quả	Đơn vị	Phương pháp	Giới hạn cho phép ⁽¹⁾
1	Mùi, vị	Không mùi, vị lạ	-	Cảm quan	Không mùi, vị lạ
2	Màu sắc, TCU	KPH (LOD: 2)	TCU	SMEWW 2120	15
3	pH	7,05	-	SMEWW 4500-H ⁺ -B:2017	6,0 - 8,5
4	Độ đục, NTU	0,02	NTU	QT.MT.03.19/HL(*)	2
5	Hàm lượng Amoni	KPH (LOD:0,13)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ (2017)	0,3
6	Chỉ số Pecmanganat	1,7	mgO ₂ /L	TCVN 6186:1996(*)	2,0
7	Độ cứng	90,0	mg CaCO ₃ /L	TCVN 6224-1996(*)	300
8	Chloride	10,6	mg/L	TCVN 6194:1996(*)	250
9	Hàm lượng Nitrit(N)	KPH (LOD:0,003)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ (*)	0,05 ⁽¹⁴⁾
10	Hàm lượng Nitrat(N)	0,83	mg/L	TCVN 6180:1996(*)	2,0 ⁽¹⁴⁾
11	Hàm lượng Fe	0,05	mg/L	SMEWW 3500-Fe (2017)(*)	0,3
12	Hàm lượng Sunfua	KPH	mg/L	SMEWW 4500-H ₂ S	0,05 ⁽¹⁴⁾
13	Tổng số chất rắn hòa tan TDS	79,0	mg/L	Máy đo TDS	1000
14	Hàm lượng Clo dư	0,5	mg/L	TCVN 6225-2:2021	0,2-1,0

Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm. Các thông tin về tên khách hàng, tên mẫu, thông tin lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

15	Coliform tổng số	0	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 ^(*)	< 3
16	<i>E.coli</i>	0	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019 ^(*)	< 1
17	Tụ cầu vàng	KPH	CFU/100mL	SMEWW 9213B:2017 ^(*)	< 1
18	Trực khuẩn mủ xanh	KPH	CFU/100mL	TCVN 8881:2011 ^(*)	< 1
19	Thủy Ngân (Hg)	KPH (LOD:0,0002)	mg/L	TS-KT-QP-28:2021 ^(**)	0,001
20	Chì	KPH (LOD:0,0003)	mg/L	TS-KT-QP-28:2021 ^(**)	0,01
21	Nhôm (AL)	KPH (LOD:0,007)	mg/L	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017) ^(**)	0,2
22	Mangan (Mn)	KPH (LOD:0,007)	mg/L	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017) ^(**)	0,1
23	Xyanua (CN)	KPH (LOD:0,003)	mg/L	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984) ^(**)	0,05
24	Diclorometan	KPH (LOD:3,33)	µg/L	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018) ^(**)	20
25	Vinyl clorua	KPH (LOD:0,07)	µg/L	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018) ^(**)	0,3
26	Etybenzen	KPH (LOD:0,33)	µg/L	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018) ^(**)	300
27	Phenon và dẫn xuất Phenol	KPH (LOD:0,33)	µg/L	TS-KT-SK-113:2020 ^(**)	1
28	Xylene	KPH (LOD:0,33)	µg/L	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018) ^(**)	500
29	Atrazine và dẫn xuất cholor - s - triazine	KPH (LOD:0,07)	µg/L	TS-KT-SK-15:2020 ^(**)	100
30	Permethrin	KPH (LOD:0,07)	µg/L	TS-KT-SK-15:2020 ^(**)	20
31	Propanyl	KPH (LOD:3,33)	µg/L	TS-KT-SK-109:2020 ^(**)	20
32	Trifuralin	KPH (LOD:0,07)	µg/L	TS-KT-SK-15:2020 ^(**)	20
33	Cholorpyrifos	KPH (LOD:0,07)	µg/L	TS-KT-SK-15:2020 ^(**)	30
34	Bromodichloromethane	Vết/ Trace 0,554 (< LOQ = 1)	µg/L	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018) ^(**)	60

Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm. Các thông tin về tên khách hàng, tên mẫu, thông tin lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

35	Bromoform	KPH (LOD:0,33)	µg/L	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018) (**)	100
36	Chloroform	KPH (LOD:0,33)	µg/L	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018) (**)	300
37	Dibromochloomethane	Vết/ Trace 0,600 (< LOQ = 1)	µg/L	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018) (**)	100

KẾT LUẬN: Các chỉ tiêu đã kiểm nghiệm của mẫu nước trên đạt tiêu chuẩn chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCDP 01:2023/QB.

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ Giới hạn cho phép theo QCDP 01:2023/QB.
- ^(*) Các chỉ tiêu được Vilas công nhận
- KPH: Không phát hiện
- LOD: Giới hạn phát hiện
- LOQ: Giới hạn định lượng
- ^(**) Các chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

**KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

(Signature)

Nguyễn Thị Như Lý

Quảng Bình, ngày 21 tháng 3 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Đỗ Quốc Tiệp

Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu được thử nghiệm. Các thông tin về tên khách hàng, tên mẫu, thông tin lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.